

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Nhà nước được thành lập bởi Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BQP ngày 02 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304941312, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do thay đổi địa chỉ trụ sở chính, vốn kinh doanh, người đại diện theo pháp luật và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84 - 282) 253.7386
- Fax : (84 - 282) 253.7386

Hoạt động kinh doanh của Công ty Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng, sửa chữa công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi;
- San lấp mặt bằng;
- Nạo vét cảng sông, cảng biển. Sản xuất vật liệu xây dựng.

Chủ tịch

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Sang ⁽ⁱ⁾	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2019
Ông Ngô Quang Chung ⁽ⁱ⁾	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2019

⁽ⁱ⁾ Theo quyết định số 3119/QĐ-HĐTV của Bộ Tư lệnh Hải quân, Ông Trần Văn Sang được bổ nhiệm giữ chức danh Chủ tịch Công ty thay thế cho Ông Ngô Quang Chung kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Chí Dũng ⁽ⁱⁱ⁾	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Võ Hồng Khanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Phùng Văn Vinh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2018
Ông Lưu Xuân Hoàn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2018
Ông Trịnh Xuân Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2016
Ông Phạm Văn Tiến	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Đình Hưng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2020
Ông Nguyễn Trường Giang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2017

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Chí Dũng ⁽ⁱⁱ⁾	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Võ Hồng Khanh ⁽ⁱⁱ⁾	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020

⁽ⁱⁱ⁾ Từ ngày 01 tháng 03 năm 2020, Ông Võ Hồng Khanh thực hiện thời gian nghỉ chờ hưu theo quyết định số 20/QĐX-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Bộ Quốc Phòng. Ông Nguyễn Chí Dũng được bổ nhiệm làm Giám đốc theo quyết định số 05/QĐĐ-CB ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Bộ Quốc Phòng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Võ Hồng Khanh

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0080/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		564.495.487.271	808.205.076.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.261.039.394	8.900.960.357
1. Tiền	111		29.261.039.394	8.900.960.357
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.604.926.959	158.606.365.456
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	145.913.407.456	124.076.051.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.845.299.964	27.945.788.934
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	6.846.219.539	6.584.525.285
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		380.629.520.918	619.581.173.799
1. Hàng tồn kho	141	V.5	380.629.520.918	619.581.173.799
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	21.116.577.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	21.116.577.373
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.710.254.169	39.187.177.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.037.261.866	8.200.960.621
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	7.037.261.866	8.200.960.621
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.165.672.303	26.478.896.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	16.139.330.303	26.399.870.731
<i>Nguyên giá</i>	222		75.727.015.430	78.659.195.405
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59.587.685.127)	(52.259.324.674)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	26.342.000	79.026.000
<i>Nguyên giá</i>	228		139.026.000	139.026.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(112.684.000)	(60.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.507.320.000	4.507.320.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	4.507.320.000	4.507.320.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		592.205.741.440	847.392.254.337

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		502.205.741.440	765.959.710.081
I. Nợ ngắn hạn	310		502.205.741.440	765.959.710.081
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	53.901.681.146	86.078.741.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	407.368.801.240	582.091.668.163
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	9.575.123.132	3.089.118.302
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	24.668.568.399	81.169.786.807
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	11.200.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	6.691.567.523	2.330.395.351
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.000.000.000	81.432.544.256
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	90.000.000.000	81.432.544.256
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	81.432.544.256
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		592.205.741.440	847.392.254.337

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Võ Hồng Khanh

Nguyễn Thị Lý

Nguyễn Trường Giang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	523.028.522.924	485.707.056.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		523.028.522.924	485.707.056.091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	496.113.280.241	456.630.906.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.915.242.683	29.076.149.416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	445.144.923	849.144.982
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	523.189.590	2.005.398.163
Trong đó: chi phí lãi vay	23		523.189.590	2.005.398.163
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.783.347.807	15.698.145.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.053.850.209	12.221.751.098
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.600.069.032	3.499.892.399
12. Chi phí khác	32	VI.7	120.000.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		6.480.069.032	3.499.892.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.533.919.241	15.721.643.497
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.636.376.877	3.106.146.260
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.897.542.364</u>	<u>12.615.497.237</u>

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Giang

Giám đốc



Võ Hồng Khanh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.533.919.241	15.721.643.497
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.6,7	10.313.224.428	10.571.511.759
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.6	(824.545.454)	(1.132.024.705)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	523.189.590	2.005.398.163
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.545.787.805	27.166.528.714
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.281.714.625	(15.822.940.113)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	238.951.652.881	(1.818.664.149)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(254.320.448.062)	7.453.720.859
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	1.119.884.972
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(523.189.590)	(1.980.758.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.10	(4.069.070.576)	(2.071.532.620)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.13	1.405.000.000	202.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.13	(4.535.913.500)	(7.208.388.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.735.533.583	7.039.851.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(209.026.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22 VI.6	824.545.454	309.954.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	822.070.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	824.545.454	922.998.705

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.14	3.000.051.492	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	61.100.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(11.200.000.000)	(77.983.791.566)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.051.492)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(11.200.000.000)</i></u>	<u><i>(16.883.791.566)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.360.079.037	(8.920.941.361)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.900.960.357	17.821.901.718
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>29.261.039.394</u>	<u>8.900.960.357</u>

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lý

Nguyễn Trường Giang

Võ Hồng Khanh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng, sửa chữa công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng sửa chữa công trình giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng; nạo vét cảng sông, cảng biển; sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 131 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 137 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	4 – 9
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 7
Tài sản cố định khác	4 – 5

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 18 tháng.

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.827.928	52.021.205
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.230.211.466	8.848.939.152
Cộng	<u>29.261.039.394</u>	<u>8.900.960.357</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	408.933	4.507.320.000	378.641	4.507.320.000
Cộng		<u>4.507.320.000</u>		<u>4.507.320.000</u>

Trong năm, Công ty nhận 30.291 cổ phiếu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2018 và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn của Ngân hàng TMCP Quân đội.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, là 8.505.806.400 VND

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>15.759.711.210</u>	<u>90.323.268.213</u>
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	-	3.113.474.986
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	924.072.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	2.160.441.466	4.130.035.753
Công ty TNHH MTV Cảng Công ten nơ Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	12.123.248.997	80.219.055.765
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.476.020.747	1.936.629.254

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>130.153.696.246</i>	<i>33.752.783.024</i>
Bộ Tư lệnh Hải quân	123.243.451.518	20.230.758.660
Ban Quản lý Công trình Trường Sa	981.619.864	7.362.335.227
Các khách hàng khác	5.928.624.864	6.159.689.137
Cộng	<u>145.913.407.456</u>	<u>124.076.051.237</u>
4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác		
4a. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.546.809.109</i>	<i>3.591.107.274</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một - Phải thu về phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.546.809.109	3.591.107.274
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.299.410.430</i>	<i>2.993.418.011</i>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	195.083.664	-
Ký cược, ký quỹ	4.503.736.766	-
Tạm ứng	515.388.431	2.113.533.260
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	85.201.569	879.884.751
Cộng	<u>6.846.219.539</u>	<u>6.584.525.285</u>
4b. Phải thu dài hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.037.261.866</i>	<i>4.893.582.232</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một - Phải thu hợp tác kinh doanh (*)	7.037.261.866	4.893.582.232
<i>Phải thu các cá nhân và tổ chức khác</i>	<i>-</i>	<i>3.307.378.389</i>
Ký cược, ký quỹ	-	3.307.378.389
Cộng	<u>7.037.261.866</u>	<u>8.200.960.621</u>
<p>(*) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh cầu Ke với Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng số Một theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18B/HTĐT –TCSM ngày 26 tháng 01 năm 2015 đầu tư mua cầu khung cho thuê. Theo hợp đồng, Công ty góp 30% giá trị tổng vốn đầu tư, trong đó 15% vốn tự có và 85% vốn vay. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 08 tháng 01 năm 2019, hai bên thống nhất thời gian liên doanh liên kết là 21 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thống nhất điều chỉnh giãn khung khấu hao Cầu KE từ 10 năm thành 20 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.</p>		
5. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	380.629.520.918	619.426.790.355
Thành phẩm	-	154.383.444
Cộng	<u>380.629.520.918</u>	<u>619.581.173.799</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.525.321.536	62.976.050.355	7.071.294.423	40.909.091	45.620.000	78.659.195.405
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Phân loại tài sản	(471.227.595)	(2.460.952.380)	45.620.000	-	(45.620.000)	-
Thanh lý, nhượng bán						(2.932.179.975)
Số cuối năm	8.054.093.941	60.515.097.975	7.116.914.423	40.909.091	-	75.727.015.430
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	24.023.539.124	5.324.914.423	40.909.091	-	29.389.362.638
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.162.587.333	43.853.481.942	6.158.771.760	38.863.639	45.620.000	52.259.324.674
Khấu hao trong năm	322.163.762	9.257.141.871	679.189.343	2.045.452	-	10.260.540.428
Phân loại tài sản	-	-	45.620.000	-	(45.620.000)	-
Thanh lý, nhượng bán	(471.227.595)	(2.460.952.380)	-	-	-	(2.932.179.975)
Số cuối năm	2.013.523.500	50.649.671.433	6.883.581.103	40.909.091	-	59.587.685.127
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.362.734.203	19.122.568.413	912.522.663	2.045.452	-	26.399.870.731
Số cuối năm	6.040.570.441	9.865.426.542	233.333.320	-	-	16.139.330.303
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định vô hình**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy tính			
Số đầu năm	139.026.000	(60.000.000)	79.026.000
Mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(52.684.000)	-
Số cuối năm	139.026.000	(112.684.000)	26.342.000

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 60.000.000

Đang chờ thanh lý

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	405.001.596	2.569.928.931
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	405.001.596	326.397.356
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	-	1.989.701.000
Công ty TNHH Tân Cảng Petro Cam Ranh	-	253.830.575
Phải trả các nhà cung cấp khác	53.496.679.550	83.508.812.527
Công ty TNHH Vận tải Xếp dỡ Hàng hóa Z879	-	16.027.720.142
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	3.203.640.000	7.999.024.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hưng Thành Phát	5.217.091.421	4.361.718.289
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phan Hưng	10.065.000.000	-
Công ty TNHH Tân Hồng	11.573.127.473	34.342.651.428
Các nhà cung cấp khác	23.437.820.656	20.777.698.668
Cộng	53.901.681.146	86.078.741.458

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	10.392.451.735	55.914.981.941
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	632.136.000	1.075.243.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	657.299.191
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	9.760.315.735	-
Công ty TNHH Tân Cảng Petro Cam Ranh	-	54.182.439.750
Trả trước của các khách hàng khác	396.976.349.505	526.176.686.222
Bộ Tư lệnh Hải quân	394.913.531.521	350.778.043.108
Ban quản lý Công trình Trường Sa	-	153.653.826.875
Các khách hàng khác	2.062.817.984	21.744.816.239
Cộng	407.368.801.240	582.091.668.163

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	16.901.479.649	(9.117.997.998)	7.783.481.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.089.118.302	2.771.593.755	(4.069.070.576)	1.791.641.481
Thuế thu nhập cá nhân	-	361.669.435	(361.669.435)	-
Thuế tài nguyên	-	744.723.000	(744.723.000)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	412.597.650	(412.597.650)	-
Các loại thuế khác	-	138.400.000	(138.400.000)	-
Cộng	3.089.118.302	21.330.463.489	(14.844.458.659)	9.575.123.132

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.533.919.241	15.721.643.497
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	875.150.346	-
<i>Chi phí phạt hành chính</i>	120.000.000	-
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	755.150.346	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	18.409.069.587	15.721.643.497
Thu nhập được miễn thuế	(227.185.200)	(190.912.200)
Thu nhập tính thuế	18.181.884.387	15.530.731.297
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.636.376.877	3.106.146.260

Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động hợp tác kinh doanh cầu ke đã được đối tác nộp hộ là 864.783.122VND.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, khoáng sản với giá trính thuế đơn vị tài nguyên 100.000 VND/m³; thuế suất: 10%

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động tự khai thác đá làm vật liệu xây dựng với mức phí 5.500 VND/m³

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.638.849.014	5.800.848.066
Lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.638.849.014	5.800.848.066
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	21.029.719.385	75.368.938.741
Kinh phí công đoàn	323.974.065	400.418.302
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.223.691.291	6.571.449.853
Giá trị các công trình được Ban Quản lý các công trình Trường Sa chuẩn kế hoạch Ngân sách	2.022.522.000	42.960.656.141
Tạm thu tiền triển dả RS196	-	2.142.319.838
Phải trả Đội trưởng các công trình	14.960.847.479	17.895.490.584
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	498.684.550	5.398.604.023
Cộng	<u>24.668.568.399</u>	<u>81.169.786.807</u>

12. Vay ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.200.000.000	28.083.791.566
Số tiền vay phát sinh	-	61.100.000.000
Số tiền vay đã trả	<u>(11.200.000.000)</u>	<u>(77.983.791.566)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>11.200.000.000</u>

Khoản vay Ngân hàng Quân đội để phục vụ sản xuất kinh doanh theo hợp đồng cấp tín dụng số 24911.16.110.60035.TD ngày 21/11/2016 với lãi suất 06 %/ năm, thời hạn vay quy định trong từng khế ước.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.627.430.348	384.965.003	318.000.000	2.330.395.351
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.902.085.672	1.300.000.000	290.000.000	7.492.085.672
Nhận tiền thưởng	1.405.000.000	-	-	1.405.000.000
Chi quỹ trong năm	<u>(3.309.000.000)</u>	<u>(908.913.500)</u>	<u>(318.000.000)</u>	<u>(4.535.913.500)</u>
Cộng	<u>5.625.516.020</u>	<u>776.051.503</u>	<u>290.000.000</u>	<u>6.691.567.523</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	77.647.895.085	-	-	77.647.895.085
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	12.615.497.237	12.615.497.237
Trích lập các quỹ	-	3.784.649.171	(6.814.649.171)	(3.030.000.000)
- Từ lợi nhuận năm 2017 theo kết quả của Kiểm toán nhà nước	-	2.485.839.144	(2.485.839.144)	-
- Từ lợi nhuận năm 2018	-	1.298.810.027	(4.328.810.027)	-
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	3.784.649.171	(3.784.649.171)	-	(5.800.848.066)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	(5.800.848.066)	(5.800.848.066)
Số dư cuối năm trước	81.432.544.256	-	-	81.432.544.256
Số dư đầu năm nay	81.432.544.256	-	-	81.432.544.256
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	13.897.542.364	13.897.542.364
Trích lập các quỹ	-	4.169.262.709	(11.661.348.381)	(7.492.085.672)
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	4.169.262.709	(4.169.262.709)	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận năm nay	1.398.141.543	-	(1.398.141.543)	-
Tăng vốn từ lợi nhuận phải chuyển về công ty mẹ năm trước	3.000.051.492	-	-	3.000.051.492
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	(838.052.440)	(838.052.440)
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000

14b. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 như sau:

	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	: 4.169.262.709
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 7.492.085.672

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	516.278.522.924	478.957.056.091
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh cầu	6.750.000.000	6.750.000.000
Cộng	523.028.522.924	485.707.056.091

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu công trình xây dựng cung cấp cho:		
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải	3.835.939.998	15.215.217.916
Xếp dỡ Tân Cảng		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.936.524.507	15.316.482.365
Công ty Cổ phần Xây dựng tân Cảng số một	2.595.938.576	10.770.011.594
Công ty TNHH MTV Tân Cảng Petro Cam Ranh	65.675.684.545	-
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	1.690.726.364	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	840.065.868
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	493.687.195.850	452.207.067.367
Giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh cầu Cống	2.426.084.391	4.423.839.308
	<u>496.113.280.241</u>	<u>456.630.906.675</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	195.083.664	631.157.959
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	22.876.059	27.074.823
Cổ tức được chia	227.185.200	190.912.200
Cộng	<u>445.144.923</u>	<u>849.144.982</u>
4. Chi phí tài chính		
Là chi phí lãi vay		
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.682.155.895	10.254.104.306
Chi phí đồ dùng văn phòng	220.076.602	177.139.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.415.873	1.045.250.784
Thuế, phí và lệ phí	190.492.231	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.656.658.908	1.345.761.858
Các chi phí khác	3.140.548.298	2.872.888.919
Cộng	<u>15.783.347.807</u>	<u>15.698.145.137</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	824.545.454	309.954.546
Xử lý công nợ theo biên bản kiểm toán nhà nước	-	3.109.437.852
Tiền bồi thường	5.490.069.032	-
Thu nhập khác	285.454.546	80.500.001
Cộng	<u>6.600.069.032</u>	<u>3.499.892.399</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phạt hành chính	120.000.000	-

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.938.177.137	165.097.434.597
Chi phí sử dụng máy thi công	41.808.377.756	46.559.235.336
Chi phí nhân công	57.867.383.256	80.857.119.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.313.224.428	10.571.511.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.489.754.597	13.219.262.362
Chi phí khác	3.528.057.993	3.152.490.163
Cộng	<u>272.944.975.167</u>	<u>319.457.053.387</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	30.291	60.455
Tặng vốn chủ sở hữu bằng lợi nhuận phải nộp về Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4.398.193.035	-
Tặng vốn chủ sở hữu bằng Quỹ đầu tư phát triển	4.169.262.709	3.784.649.171

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.039.481.090	1.920.744.000
Tiền thưởng	870.775.580	668.430.000
Cộng	2.910.256.670	2.589.174.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Công ty cùng tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng số Một (TCSM)		
<i>Doanh thu hợp tác kinh doanh cầu Ke với TCSM</i>	6.750.000.000	6.750.000.000
<i>Chi phí hợp tác kinh doanh cầu Ke với TCSM</i>	2.426.084.391	4.423.839.308
<i>Chi phí dịch vụ xây lắp phải trả TCSM</i>	102.363.636	1.266.545.455
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT)		
<i>Chi phí điện nước do TCT cung cấp</i>	378.271.596	189.701.029
<i>Mua phần mềm của TCT</i>	-	79.026.000
<i>Chi phí khám sức khỏe do TCT cung cấp</i>	26.730.000	-
Công ty TNHH Tân Cảng Petro Cam Ranh		
<i>Chi phí tiền điện nước phải trả</i>	-	4.720.800

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.8, V.9, V.11 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Giang

Giám đốc



Võ Hồng Khanh